TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ P** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hiền

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21-5-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07-6-2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1990 (có mặt).

Trú tại: Tổ B, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Đào Thị Tuyết N, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi ĐKHK thường trú: đường H, tổ S, khu phố A, phường G, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Trú tại: Tổ B, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Đình B trình bày:

Ông B và bà N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20-8-2015. Vợ chồng ông bà sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, tính cách không còn phù hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Ông B và bà N đã ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay ông B thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho ông B được ly hôn với bà N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn bà Đào Thị Tuyết N: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn bà N, để bà N thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng bà N vắng mặt theo các giấy triệu tập, thông báo, quyết định của Tòa án mà không có lý do chính đáng và cũng không thể hiện ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Đào Thị Tuyết N vắng mặt.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc ông B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Đình B yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Đào Thị Tuyết N; Nơi ĐKHK thường trú: đường H, tổ S, khu phố A, phường G, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh; Trú tại: Tổ B, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Đào Thị Tuyết N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng bà N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Đình B yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Đào Thị Tuyết N.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình B và bà Đào Thị Tuyết N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và được Ủy ban nhân dân phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số

93/2015 quyển số 01 ngày 20-8-2015, nên hôn nhân giữa ông B và bà N là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đình B:

Theo ông B trình bày thì quá trình chung sống giữa ông B và bà N nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không còn quan hệ vợ chồng, đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình sống ly thân đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống, không gặp nhau để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng mâu thuẫn của ông B, bà N kéo dài, đã trầm trọng, không còn sống chung, quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà N không tham gia tố tụng, không có ý kiến để hàn gắn tình cảm gia đình. Ông B xác định mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đến nay ông B không còn tình cảm với bà N. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông B về việc xin ly hôn với bà N là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình B về việc ly hôn với bà Đào Thị Tuyết N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình B được ly hôn với bà Đào Thị Tuyết N.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006358 ngày 12-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông B đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-6-2021) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã P;
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND phường G,
Quận C, thành phố Hồ Chí Minh
(GCNKH số 93/2015, quyển số 01
Ngày 20-8-2015);
- Lưu hồ sơ.

Nông Thị Tình